
Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN & KẾ HOẠCH KINH DOANH 2025 - 2029

A. Tình hình thị trường và doanh nghiệp giai đoạn 2020-2024

1. Tình hình thị trường

1.1 Khuôn khổ pháp lý ban hành gần đây

- Ngày 16/06/2022, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật kinh doanh bảo hiểm sửa đổi số 08/2022/QH15;
- Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 lần lượt được ban hành như: Nghị định của Chính phủ số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023, Thông tư của Bộ tài chính số 70/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022, Thông tư của Bộ Tài chính số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023;
- Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;
- Trước đó, Chính phủ đã ban hành một số Nghị định liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm như: Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng...

1.2 Một số tác động lớn đối với thị trường bảo hiểm:

- Từ ngày 01/01/2028, các doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm phải đáp ứng quy định về Vốn trên cơ sở rủi ro (Risk based Capital).
- Từ ngày 01/01/2028, các doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm không được kinh doanh bất động sản (BDS) trừ các trường hợp: mua cổ phiếu của doanh nghiệp kinh doanh BDS niêm yết trên thị trường chứng khoán, chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng; mua, đầu tư, sở hữu BDS để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ; cho thuê trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng; nắm giữ BDS do xử lý trái phiếu

có bảo đảm bằng BĐS, do đối trừ công nợ phải thu bằng BĐS trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nắm giữ.

- Phí bảo hiểm đối với bảo hiểm Cháy, nổ bắt buộc được phép giảm 25% so với Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021.
- Các doanh nghiệp bảo hiểm Phi nhân thọ chỉ được cấp đơn bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống.

1.3 Thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ Việt Nam

Giai đoạn 2020-2024 thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ chịu nhiều tác động từ dịch Covid-19 (năm 2020, 2021), khủng hoảng niềm tin trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ (năm 2023). Tổng hợp số liệu các doanh nghiệp bảo hiểm báo cáo, doanh thu phí bảo hiểm Phi nhân thọ giai đoạn 2020-2024 chỉ tăng trưởng trung bình 8.6%/năm, trong đó các sản phẩm bán lẻ (con người, xe cơ giới) chiếm xấp xỉ 60% chỉ tăng trưởng trung bình 7.4%/năm; các nghiệp vụ khác tăng trưởng trung bình 10.6%, trong đó các năm 2020, 2023 và 2024 chỉ tăng trưởng 7.9 – 8.0%/năm.

Trong năm 2024, Bộ Tài chính đã cấp phép thành lập và hoạt động thêm 01 công ty bảo hiểm Phi nhân thọ. Tính đến 31/12/2024, thị trường đã có 32 công ty bảo hiểm Phi nhân thọ /chi nhánh công ty bảo hiểm Phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam. Các công ty tiếp tục cạnh tranh gay gắt (giảm giá phí, mở rộng điều kiện điều khoản, tăng chi phí bán hàng...) ở tất cả các nghiệp vụ để giành thị phần.

Trong vài năm gần đây, tình hình đột biến về bồi thường và tỷ lệ bồi thường ở hầu hết các nghiệp vụ là vấn đề rất quan ngại, khó kiểm soát và ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm. Nhiều doanh nghiệp hứng chịu tỷ lệ bồi thường cao đột biến trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe trong các năm 2022-2023 làm cho kết quả kinh doanh nghiệp vụ này lỗ nghiêm trọng. Con bão Yagi (tháng 9/2024) đã gây thiệt hại nghiêm trọng, ước tính số tiền bồi thường các tổn thất về tài sản trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản và xây dựng, lắp đặt đã lên tới hơn 400 triệu USD.

1.4 Đánh giá các nghiệp vụ bảo hiểm của thị trường BHVN

• Nghiệp vụ bảo hiểm Tài sản:

Kể từ khi Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc được ban hành, kết quả kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm Tài sản được cải thiện đáng kể, đặc biệt là trong giai đoạn xã hội chịu tác động mạnh của dịch Covid-19 do các hoạt động sản xuất có phần giảm sút. Nghị định này đã được sửa đổi bằng Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ.

Dưới tác động của Nghị định 97/2021/NĐ-CP, giá phí của các dịch vụ có số tiền bảo hiểm trên 1000 tỷ đồng đã đồng loạt giảm nhưng tổng phí BH tài sản của thị trường vẫn tăng trưởng 15-18%/năm nhờ vào việc khách hàng mua bảo hiểm đầy đủ hơn (trước đó nhiều đơn vị mua bảo hiểm dưới giá trị).

Kể từ khi Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành, thay thế cho Nghị định 97/2021/NĐ-CP về bảo hiểm Cháy nổ bắt buộc, gần như đồng loạt các dịch vụ bảo hiểm tài sản được yêu cầu giảm phí 25%. Với tỷ lệ kết hợp (combined ratio) khoảng 90-93% trong các năm trước, khi các dịch vụ tiếp tục giảm phí thêm 25%, khả năng mảng dịch vụ này cho kết quả lỗ đối với các doanh nghiệp bảo hiểm rất cao ngay cả khi không có yếu tố tổn thất bất thường như bão Yagi (tháng 9/2024). Mặc dù vậy, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn cạnh tranh quyết liệt bằng giảm phí. Trong năm 2024, các nhà tái bảo hiểm đồng loạt áp dụng điều kiện tối thiểu để nhận dịch vụ qua các hợp đồng TBH cố định (treaty). Rất nhiều dịch vụ không đáp ứng được yêu cầu tối thiểu nên không thu xếp được vào các hợp đồng cố định.

- **Nghệp vụ bảo hiểm Kỹ thuật** (bảo hiểm cho các công trình trong quá trình Xây dựng, lắp đặt).

Số liệu thống kê nhiều năm cho thấy kết quả kinh doanh bảo hiểm Kỹ thuật của thị trường bảo hiểm Việt Nam tương đối khả quan (có lãi) nhưng quy mô hạn chế (chỉ chiếm 4.5% tổng phí BH phi nhân thọ) do đối tượng bảo hiểm không nhiều. Cũng vì kết quả kinh doanh tốt, hàng năm các doanh nghiệp bảo hiểm thường tăng mức tự giữ lại, số lượng dịch vụ nhượng TBH ngày càng giảm.

- **Nghệp vụ bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển**

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng trưởng hàng năm rất tốt. Tuy vậy, các mặt hàng mà Việt Nam tham gia gia công cho đối tác nước ngoài lại thường được mua bảo hiểm (cho quá trình vận chuyển) theo hợp đồng bảo hiểm toàn cầu của bên đặt hàng; đa phần các nhà xuất nhập khẩu vẫn nhập CIF và xuất FOB. Giá trị hàng XNK được bảo hiểm tại các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam khá hạn chế. Trong giai đoạn 2020-2024, tổng phí bảo hiểm hàng hóa vận chuyển của Việt Nam chỉ tăng trưởng bình quân 5.3%/năm (số liệu các DNBH báo cáo Hiệp hội BHVN).

- **Nghệp vụ bảo hiểm Thân tàu**

Lĩnh vực bảo hiểm thân tàu cho kết quả lỗ liên tiếp từ năm 2000 đến nay, chưa có dấu hiệu cải thiện mặc dù một số DNBH đã không thể thu xếp nhượng TBH tỷ lệ (chia sẻ trách nhiệm theo đơn bảo hiểm), phải chuyển sang mua hợp đồng Vượt mức bồi thường bảo vệ (doanh nghiệp tự gánh chịu tổn thất vừa và nhỏ, giá phí TBH do nhà nhận TBH nước ngoài định giá).

- **Nghệp vụ bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu** (Protection and Indemnity – P&I)

Bảo hiểm P&I có mức trách nhiệm tiềm tàng rất lớn (không giới hạn) nên bắt buộc các tàu kinh doanh tuyến quốc tế phải có bảo hiểm do các Hội P&I tương hỗ cấp. Tăng trưởng doanh thu phí nhận TBH đối với nghiệp vụ này chủ yếu chỉ dựa vào sự mở rộng của đội tàu biển chạy tuyến quốc tế của Việt Nam. Trong bối cảnh kinh doanh vận tải quốc tế không mang

lại nhiều lợi nhuận, đội tàu tăng trưởng rất chậm, nhiều chủ tàu bán tàu hoặc thu hẹp phạm vi về kinh doanh trong nội thủy làm giảm quy mô phí của thị trường.

- **Nghệp vụ bảo hiểm Hàng không, Dầu khí**

Do đặc thù dịch vụ thường do các công ty môi giới bảo hiểm toàn cầu thu xếp với hàng chục, thậm chí hàng trăm công ty tái bảo hiểm nên nhiều năm qua, lĩnh vực này được đồng bảo hiểm giữa các công ty bảo hiểm gốc trong nước và nhờ môi giới TBH thu xếp với các nhà TBH quốc tế.

- **Nghệp vụ bảo hiểm nông nghiệp**

Việt Nam là đất nước có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp. Tuy vậy, do lợi nhuận của người sản xuất thấp nên chưa chú trọng mua bảo hiểm nông nghiệp.

Bộ Tài chính đang cùng với Bộ Nông nghiệp rà soát, báo cáo Chính phủ đề sửa đổi Nghị định về các chính sách hỗ trợ trong bảo hiểm nông nghiệp.

- **Nghệp vụ bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn cá nhân - BancaPA**

+ Nhóm nghiệp vụ này chiếm tỷ trọng từ 33-36% tổng doanh thu phí bảo hiểm Phi nhân thọ tại thị trường BH Việt Nam. Bảo hiểm sức khỏe hầu như bị lỗ nên Vinare hạn chế nhận.

+ Bảo hiểm tai nạn cá nhân - BancaPA: Bảo hiểm BancaPA có quy mô doanh thu bảo hiểm gốc lớn nhưng tỷ lệ chi phí khai thác rất lớn, tỷ lệ lợi tức thấp. Nhóm nghiệp vụ này có nhu cầu tái phần nhiều là do các công ty gốc thiếu biên khả năng thanh toán. Kể từ khi Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực, các công ty bảo hiểm Phi nhân thọ không được cấp đơn BH cho sản phẩm này với thời hạn quá 1 năm nên doanh thu BH gốc khó tăng trưởng, nhu cầu nhượng tái bảo hiểm thu hẹp.

- **Nghệp vụ bảo hiểm Xe cơ giới**

+ Bảo hiểm xe cơ giới chiếm 25-30% tổng phí bảo hiểm Phi nhân thọ của thị trường. Hầu hết bảo hiểm xe cơ giới đều có mức trách nhiệm thấp nên các doanh nghiệp bảo hiểm tự giữ lại 80-85%. Số ít các doanh nghiệp bảo hiểm có mức tăng trưởng nóng trong lĩnh vực này có nhu cầu nhượng TBH để đảm bảo biên khả năng thanh toán và duy trì kết quả kinh doanh chung.

+ Do số lượng rủi ro lớn và dàn trải, thêm nữa là tỷ lệ chi khai thác, tỷ lệ bồi thường, chi quản lý, chi phí xử lý khiếu nại... đều cao nên khả năng sinh lời (mặc dù rất mỏng) cũng khiêm tốn.

2. Báo cáo kết quả kinh doanh giai đoạn 2020-2024 của VINARE

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2020-2024 (Tỷ đồng, %)

Chỉ tiêu	2020		2021		2022		2023		2024		TB 5 năm
	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
Doanh thu phí nhận TBH	2,565	(*)2,447.7	2,019	2,246.2	2,211	2,368.8	2,468	2,677.4	2,918	3,153.3	
Tăng trưởng		10.2%		(8.2%)		5.5%		13.0%		17.8%	7.6%
<i>Trong đó</i>											
+ Các N.vụ cốt lõi		1,612.5	1,709	1,728.5	1,901	1,971.3	2,168	2,540.5	2,778	2,903.7	
<i>Tăng trưởng</i>		(5.4%)		7.2%		14.0%		28.9%		14.3%	(**)11.8%
+ BancaPA		835.2	310	517.7	310	397.5	300	136.9	140	249.6	
<i>Tăng trưởng</i>		61.8%		(38.0%)		(23.2%)		(65.6%)		82.3%	3.5%
LN trước thuế	355	357.2	377	408.8	434	439.4	460	473.6	(***)463	465.5	
Tăng trưởng (%)		7.55		14.19		7.71		7.80		-1.72	7.1%
Cổ tức (%)	12	15	12	13	12	20	12	20	20	20	17.6%

Cổ tức các năm 2022, 2023 và 2024: 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu.

() Năm 2020: Xét ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến tình hình kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động của VINARE nói riêng, căn cứ các Nghị quyết của HĐQT tại các phiên họp quý 2, quý 3 về việc ghi nhận kết quả kinh doanh quý 2, quý 3 và dự kiến kết quả cả năm, HĐQT ghi nhận Tổng công ty đã hoàn thành kết quả kinh doanh 2020.*

*(**) Trong giai đoạn 2020-2024, ĐHCĐ và HĐQT đã chấp thuận mục tiêu tăng trưởng doanh thu tập trung vào các nghiệp vụ cốt lõi, nghiệp vụ bảo hiểm liên kết với các tổ chức tín dụng (Banca PA) chỉ thực hiện khi đảm bảo có lãi. Kết quả: Tổng công ty đã đạt mức tăng trưởng bình quân các nghiệp vụ cốt lõi là 11,8%, cao hơn kết hoạch là 9%.*

*(***) Năm 2024: Căn cứ Nghị quyết của HĐQT tại phiên họp quý 3 về việc ghi nhận báo cáo của Tổng công ty và thống nhất chủ trương điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế 2024 theo nguyên tắc đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020-2024 đã được ĐHCĐ thông qua. Theo đó, kế hoạch Lợi nhuận trước thuế điều chỉnh 463 tỷ đồng và Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020-2024.*

Tính trung bình giai đoạn 2020-2024, Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân 7.1%/năm so với mục tiêu 7%/năm, Tỷ lệ kết hợp (combined ratio) đạt 96.5% so với mục tiêu <=98%, ROE bình quân đạt 11.03% so với mục tiêu tối thiểu 10%, cổ tức bình quân 17.6% so với mục tiêu tối thiểu 12%/năm.

Vốn điều lệ đến 31/12/2024 là 1,823.9 tỷ đồng và tiếp tục trình ĐHCĐ thông qua tăng vốn thêm 10% (để trả cổ tức năm 2024). Dự kiến vốn điều lệ mới là 2006 tỷ đồng – hoàn thành mục tiêu Vốn điều lệ 2,000 tỷ đồng.

3. Đánh giá năng lực cạnh tranh của VINARE

3.1 Năng lực tài chính:

- Vốn điều lệ: Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2024 là 1,823,914,550,000 VND.
- Vốn chủ: Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 là 3,657.5 tỷ VND
- Biên khả năng thanh toán của Vinare luôn duy trì mức cao so với yêu cầu Biên khả năng thanh toán hiện hành. Cụ thể:

	Biên khả năng thanh toán	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại 31/12/2020	1,882 tỷ đồng	374 tỷ đồng	503%
Tại 31/12/2021	2,120 tỷ đồng	318 tỷ đồng	666%
Tại 31/12/2022	2,282 tỷ đồng	319 tỷ đồng	716%
Tại 31/12/2023	2,497 tỷ đồng	345 tỷ đồng	725%
Tại 31/12/2024	2,607 tỷ đồng	435 tỷ đồng	599%

3.2 Mô hình tổ chức và quản trị doanh nghiệp:

Mô hình tổ chức – quản trị công ty hiện tại được đánh giá là gọn nhẹ, hiệu quả, phù hợp với pháp luật hiện hành và thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam và quốc tế.

- **Cơ cấu HĐQT** hiện tại được đánh giá là phù hợp, giúp tăng hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của VINARE.
- **Cơ cấu Ban Kiểm soát** hiện tại gồm 5 người được đánh giá là phù hợp, đảm bảo giám sát hiệu quả hoạt động kinh doanh của VINARE.

3.3 Hệ thống khách hàng, thương hiệu và xếp hạng tín nhiệm quốc tế:

Khách hàng trong nước: Đại đa số các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trong nước đều là khách hàng lâu năm của Tổng công ty. Tổng công ty cũng đã chủ động tiếp cận các doanh nghiệp bảo hiểm mới thành lập và/hoặc sát nhập để có thêm nguồn dịch vụ.

Khách hàng ngoài nước: Chủ yếu phát triển quan hệ nhượng tái bảo hiểm với các tổ chức bảo hiểm và tái bảo hiểm lớn quốc tế chuyên nghiệp. Quan hệ nhận, trao đổi dịch vụ với các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm trong khu vực, chủ yếu thực hiện qua các chuyển công tác và qua các công ty môi giới tái bảo hiểm.

Xếp hạng tín nhiệm quốc tế (ratings) của Tổng công ty còn hạn chế (B++ theo AM Best) nên khả năng tiếp cận dịch vụ tốt trên trường quốc tế còn rất hạn chế. Mặc dù vậy, những yếu tố nội tại của doanh nghiệp như năng lực tài chính, quản trị rủi ro, nguồn dịch vụ ... khó có thể thay đổi mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế này. Trong thời gian tới, Việt Nam phấn đấu “cất cánh” trong “kỷ nguyên mới”, nếu xếp hạng quốc gia (country ratings) được nâng hạng (hiện xếp ở nhóm 4/5) thì ratings của VINARE có thể được cải thiện lên mức A-. Tổng công ty phải chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực, năng lực để có thể tiếp cận được nguồn dịch vụ tốt trên trường quốc tế.

3.4 Năng lực quản trị nghiệp vụ/ quản lý:

Nhìn chung đáp ứng yêu cầu hiện tại, các quy chế, quy trình cơ bản đã gần tiếp cận với tiêu chuẩn quốc tế. Mặc dù vậy, để thích ứng với sự thay đổi lớn trong kỷ nguyên mới và quá trình tái cấu trúc các Bộ, ngành, địa phương, cần thường xuyên rà soát các quy chế, quy trình để hiệu chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

3.5 Nhân sự:

Cơ bản nguồn nhân sự của VINARE đã có kinh nghiệm chuyên môn tốt và ổn định. Hầu hết cán bộ đều có khả năng làm việc, giao tiếp trực tiếp với đối tác bằng tiếng Anh. Tuy vậy, nhân sự luôn đóng vai trò then chốt trong kinh doanh tái bảo hiểm, Tổng công ty sẽ tiếp tục đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể sẵn sàng cho cơ hội mới khi Việt Nam được nâng xếp hạng tín nhiệm.

3.6 Hệ thống công nghệ thông tin: Cơ bản đã hoàn thiện và vận hành ổn định. Tuy vậy, rủi ro về công nghệ thông tin luôn thường trực và gia tăng, Tổng công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, cập nhật các công nghệ mới (kể cả thiết bị phần cứng) để có giải pháp phòng ngừa rủi ro đối với hệ thống công nghệ thông tin.

3.7 Cơ sở vật chất kỹ thuật:

Trụ sở làm việc: Đáp ứng được nhu cầu. Tòa nhà văn phòng được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2001, mặc dù được bảo trì, bảo dưỡng tốt nhưng sau hơn 20 năm sử dụng, nhiều trang thiết bị bị hỏng, nhiều vị trí bị thấm nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy không đáp ứng yêu cầu mới. Tổng công ty đã triển khai dự án chống thấm và sơn lại tường. Tổng công ty đang tiếp tục triển khai sửa chữa, cải tạo hệ thống kính, cửa kính; trình cấp có thẩm quyền (công an PCCC) phương án trang bị mới hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động theo quy định mới của Nhà nước.

4. Đánh giá chung

VINARE đã hoàn thành toàn diện kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2020-2024 và đạt được những thành công nhất định, chuẩn bị nền tảng tương đối vững chắc để phát triển trong giai đoạn tới.

B. Định hướng và mục tiêu 2025-2029

1. Dự báo thị trường bảo hiểm Việt Nam 2025-2029

- Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030 theo Quyết định số 07/QĐ/TTg ngày 05/1/2023 của Thủ tướng Chính phủ đặt mục tiêu thị trường bảo hiểm tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 – 2030 là 10%/năm (bao gồm cả nhân thọ và phi nhân thọ).

- Bộ Tài chính đang dự thảo mô hình Vốn trên cơ sở rủi ro để áp dụng từ 01/01/2028 theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022. Các doanh nghiệp có 3-4 năm để chuẩn bị các phương án tăng năng lực tài chính có thể làm tăng khả năng giữ lại của các doanh nghiệp,

giảm nhu cầu tái bảo hiểm khi chưa mô hình Vốn trên cơ sở rủi ro chưa chính thức được áp dụng.

- Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và giao thương thuận lợi, các tổ chức tái bảo hiểm châu Âu, châu Mỹ và Mỹ La Tinh... đang mở rộng phạm vi hoạt động sang thị trường Châu Á, nhất là khu vực ASEAN làm tăng năng lực thị trường nhận tái bảo hiểm, tăng mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực tái bảo hiểm.

2. Định hướng mục tiêu giai đoạn 2025-2029

2.1. Định hướng kinh doanh:

+ Định hướng chung: hướng tới sự phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả lâu dài của doanh nghiệp; đảm bảo quyền lợi của cổ đông, người lao động và các đối tác đồng hành với VINARE; hướng đến xếp hạng tín nhiệm quốc tế “A-” hoặc cao hơn khi có điều kiện thuận lợi.

+ Trong lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm: Tuân thủ kỷ luật khai thác, đánh giá và lựa chọn rủi ro cẩn trọng, đảm bảo có lãi từ kinh doanh nghiệp vụ, không chạy đua theo doanh số.

+ Trong lĩnh vực đầu tư: Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng danh mục đầu tư, đảm bảo An toàn – Thanh khoản – Hiệu quả.

2.2. Mục tiêu các chỉ số tài chính

- ❖ Tổng doanh thu (*bao gồm Doanh thu phí bảo hiểm, Doanh thu hoạt động tài chính, các doanh thu khác có liên quan*):
 - Năm 2025: 3.594 tỷ đồng, tăng trưởng 8% so với năm 2024
 - Từ 2026 - 2029: Phấn đấu tăng trưởng tổng doanh thu 8%/năm, hàng năm căn cứ tình hình thực tế để rà soát, báo cáo ĐHCĐ.
- ❖ Lợi nhuận trước thuế:
 - Năm 2025: Kế hoạch 503 tỷ đồng, tăng trưởng 8,1% so với năm 2024.
 - Năm 2026 - 2029: Phấn đấu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 7%/năm, hàng năm căn cứ tình hình thực tế để rà soát, báo cáo ĐHCĐ.
- ❖ Tỷ lệ kết hợp (combined ratio): Không quá 98%
- ❖ ROE bình quân: tối thiểu 10%
- ❖ Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng quy định về “Vốn trên cơ sở rủi ro” có hiệu lực từ 01/01/2028 (căn cứ hướng dẫn chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).
- ❖ Tỷ lệ cổ tức: tối thiểu 10%/năm.

2.3. Giải pháp:

+ Duy trì và tăng cường quan hệ trao đổi dịch vụ với các đối tác trong nước, cung cấp giá trị gia tăng và các giải pháp tái bảo hiểm toàn diện cho khách hàng nhiều hơn các tổ chức tái bảo hiểm quốc tế.

+ Tiếp tục mở rộng quan hệ trao đổi dịch vụ với các đối tác quốc tế nhằm đa dạng hóa dịch vụ, giảm tích tụ rủi ro.

+ Thường xuyên rà soát danh mục đầu tư, bám sát diễn biến thị trường đầu tư để điều chỉnh danh mục đầu tư phù hợp với thị trường, tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp trong khuôn khổ kiểm soát rủi ro. Theo dõi để cơ cấu lại vốn đầu tư tại các doanh nghiệp góp vốn đã được HĐQT phê duyệt.

+ Thường xuyên rà soát, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an ninh, an toàn, cung cấp thông tin, số liệu xác thực phục vụ đánh giá chất lượng rủi ro, dịch vụ.

+ Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng đầu tư vào nguồn nhân lực, thu hút nhân tài bằng các chính sách tài chính và phi tài chính.

+ Tăng cường quản trị, quản lý rủi ro kinh doanh và rủi ro doanh nghiệp.

+ Định kỳ rà soát mô hình tổ chức, quản lý doanh nghiệp để điều chỉnh phù hợp với tình hình thị trường mới.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua mục tiêu kinh doanh 2025-2029.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tuấn